

Số: 1872/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 27 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục hồ sơ, tài liệu của các cơ quan, tổ chức thuộc  
nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh Sơn La**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nội vụ quy định thời hạn bảo quản tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Bộ Nội vụ quy định thời hạn bảo quản tài liệu hình thành trong hoạt động của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2014/TT-BNV ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xác định cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử các cấp;*

*Căn cứ Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc Ban hành danh mục các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh Sơn La.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 628/TTr-SNV ngày 20 tháng 8 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục hồ sơ, tài liệu của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh Sơn La (có Danh mục hồ sơ, tài liệu kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 2835/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Danh mục hồ sơ, tài liệu của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh và Giám đốc Trung tâm lưu trữ lịch sử chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử;
- Lưu: VT, NC, Hiệp(20b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

(Đã ký)

**Tráng Thị Xuân**

**DANH MỤC**  
**HỒ SƠ, TÀI LIỆU CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**  
**THUỘC NGUỒN NỘP LƯU TÀI LIỆU VÀO LƯU TRỮ LỊCH SỬ TỈNH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2020*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)*

| STT | TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU                                                                          |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | <b>A. TÀI LIỆU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN</b>                                                              |
| 1.  | Tài liệu của cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về hoạt động của HĐND các cấp                  |
| 2.  | Chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm, nhiệm kỳ của HĐND                                      |
| 3.  | Hồ sơ, tài liệu về các kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp                                           |
| 4.  | Tài liệu tổng kết hoạt động hằng năm, nhiệm kỳ của HĐND các cấp                                   |
| 5.  | Hồ sơ về bầu cử đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp                                                   |
| 6.  | Tài liệu thống kê về đại biểu HĐND các cấp                                                        |
| 7.  | Tài liệu phim, ảnh, băng ghi âm, ghi hình những sự kiện quan trọng của HĐND các cấp               |
| 8.  | Tập lưu Nghị quyết, Quyết định, các loại văn bản đi hằng năm thuộc phong lưu trữ của HĐND các cấp |
| 9.  | Tài liệu về phê chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐND các cấp       |
| 10. | Hồ sơ giám sát, kết luận của Thường trực, các Ban của HĐND                                        |
| 11. | Sổ đăng ký văn bản đi, Sổ ghi chép các kỳ họp đột xuất, thường niên của Thường trực HĐND các cấp  |
|     | <b>B. TÀI LIỆU ỦY BAN NHÂN DÂN VÀ CÁC LĨNH VỰC CHUYÊN MÔN</b>                                     |
|     | <b>I. TỔNG HỢP</b>                                                                                |
|     | <b>1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo chung</b>                                                        |
| 12. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về các vấn đề kinh tế - xã hội                    |
| 13. | Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác dài hạn, hằng năm                                        |
| 14. | Hồ sơ kiểm tra tình hình chỉ đạo, thực hiện các chế độ, quy định, chương trình về kinh tế, xã hội |
| 15. | Hồ sơ, tài liệu hội nghị tổng kết công tác, hội nghị chuyên đề hằng năm, nhiều năm                |
| 16. | Hồ sơ, hội nghị, hội thảo nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn hoặc các sự                            |

|     |                                                                                                                                                                                 |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | kiện quan trọng của đất nước, của địa phương                                                                                                                                    |
| 17. | Hồ sơ xây dựng Quy chế làm việc của UBND các cấp                                                                                                                                |
| 18. | Hồ sơ xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật                                                                                                                       |
| 19. | Hồ sơ các kỳ họp của UBND, Thường trực UBND cấp tỉnh, cấp huyện (thường kỳ, bất thường)                                                                                         |
| 20. | Sổ tay công tác của Chủ tịch, các phó Chủ tịch UBND huyện, thành phố; sổ ghi biên bản các kỳ họp của UBND tỉnh, huyện, thành phố                                                |
|     | <b>2. Quy hoạch</b>                                                                                                                                                             |
| 21. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về công tác quy hoạch                                                                                                           |
| 22. | Chương trình, báo cáo, kế hoạch công tác quy hoạch hằng năm, nhiều năm                                                                                                          |
| 23. | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch tổng thể của tỉnh, huyện, thành phố                                                                                                                |
| 24. | Hồ sơ về xây dựng và tổ chức thực hiện đề án, dự án, chương trình mục tiêu của tỉnh, huyện, thành phố được phê duyệt                                                            |
| 25. | Hồ sơ thẩm định, phê duyệt đề án chiến lược, đề án quy hoạch phát triển, đề án, dự án, chương trình mục tiêu của các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, huyện, thành phố |
| 26. | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch chi tiết các ngành (Công nghiệp, thương mại, du lịch..) trên địa bàn tỉnh, huyện, thành phố                                                        |
| 27. | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch chi tiết các khu vực huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn                                                                                        |
| 28. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác quy hoạch                                                                                                             |
|     | <b>3. Kế hoạch</b>                                                                                                                                                              |
| 29. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về công tác kế hoạch                                                                                                            |
| 30. | Hồ sơ, tài liệu về chỉ tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội                                                                                                               |
| 31. | Báo cáo công tác kế hoạch hằng năm, nhiều năm                                                                                                                                   |
| 32. | Quyết định của Trung ương, tỉnh giao, điều chỉnh chỉ tiêu, kế hoạch nhà nước hằng năm cho tỉnh, huyện, thành phố                                                                |
| 33. | Hồ sơ tổng kết đánh giá việc thực hiện các đề án, dự án, chương trình mục tiêu của tỉnh, huyện, thành phố                                                                       |
| 34. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác kế hoạch                                                                                                              |
|     | <b>4. Đầu tư</b>                                                                                                                                                                |
| 35. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về lĩnh vực đầu tư                                                                                                              |
| 36. | Hồ sơ xây dựng, ban hành quy định, hướng dẫn về lĩnh vực đầu tư                                                                                                                 |
| 37. | Chương trình, kế hoạch, báo cáo về công tác đầu tư dài hạn, hằng năm                                                                                                            |

|                                        |                                                                                                                                                 |
|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 38.                                    | Dự toán ngân sách và báo cáo thực hiện đầu tư hàng năm, nhiều năm                                                                               |
| 39.                                    | Hồ sơ kêu gọi đầu tư và quản lý vốn đầu tư                                                                                                      |
| 40.                                    | Hồ sơ thực hiện và thẩm định, đấu thầu, phê duyệt các dự án, đề án, chương trình mục tiêu về đầu tư                                             |
| 41.                                    | Hồ sơ Hội nghị tổng kết, Hội nghị chuyên đề về công tác đầu tư                                                                                  |
| <b>5. Thống kê</b>                     |                                                                                                                                                 |
| 42.                                    | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về lĩnh vực thống kê                                                                            |
| 43.                                    | Hồ sơ xây dựng, ban hành các văn bản chế độ, quy định, hướng dẫn về thống kê                                                                    |
| 44.                                    | Chương trình, kế hoạch, báo cáo về công tác thống kê, điều tra hằng năm, nhiều năm                                                              |
| 45.                                    | Hồ sơ, tài liệu thống kê, điều tra cơ bản về xã hội học trên địa bàn tỉnh, huyện (đời sống dân cư, nơi ăn ở, sinh hoạt nghề nghiệp, tôn giáo..) |
| 46.                                    | Hồ sơ, tài liệu về tổng điều tra dân số và lao động                                                                                             |
| 47.                                    | Hồ sơ, tài liệu về điều tra đất đai, nhà ở.                                                                                                     |
| 48.                                    | Hồ sơ, tài liệu về điều tra các hoạt động sản xuất, kinh doanh                                                                                  |
| 49.                                    | Hồ sơ, Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác thống kê                                                                             |
| 50.                                    | Báo cáo tổng hợp, phân tích, thống kê định kỳ hằng năm, nhiều năm                                                                               |
| 51.                                    | Các loại biểu báo cáo, thống kê định kỳ, hằng năm, nhiều năm, đột xuất                                                                          |
| <b>6. Ngoại vụ, lễ tân</b>             |                                                                                                                                                 |
| 52.                                    | Tài liệu của các cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về công tác đối ngoại, lễ tân                                                               |
| 53.                                    | Chương trình, kế hoạch, báo cáo về hoạt động đối ngoại hằng năm, nhiều năm                                                                      |
| 54.                                    | Hồ sơ về các đoàn nước ngoài đến làm việc tại tỉnh, huyện, thành phố                                                                            |
| 55.                                    | Hồ sơ, tài liệu về các hoạt động kết nghĩa giữa UBND tỉnh với các tỉnh, nước bạn                                                                |
| 56.                                    | Hồ sơ về công tác Việt kiều và hoạt động đối ngoại của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị                                                           |
| 57.                                    | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác ngoại vụ, lễ tân                                                                      |
| <b>II. NỘI VỤ</b>                      |                                                                                                                                                 |
| <b>1. Xây dựng chính quyền, bầu cử</b> |                                                                                                                                                 |
| 58.                                    | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về công tác xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền và bầu cử                          |
| 59.                                    | Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác địa giới hành chính, xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền và bầu cử hằng năm, nhiều năm               |

|                                        |                                                                                                                                                      |
|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 60.                                    | Hồ sơ về xây dựng mô hình chính quyền điển hình cấp huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn                                                           |
| 61.                                    | Hồ sơ về tổ chức bầu cử đại biểu HĐND các cấp                                                                                                        |
| 62.                                    | Hồ sơ về Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác xây dựng chính quyền, bầu cử                                                            |
| <b>2. Tài liệu địa giới hành chính</b> |                                                                                                                                                      |
| 63.                                    | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về công tác quản lý địa giới hành chính                                                   |
| 64.                                    | Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác quản lý địa giới hành chính hàng năm, nhiều năm                                                             |
| 65.                                    | Hồ sơ, tài liệu về đề án thành lập mới, nhập, chia tách, điều chỉnh địa giới hành chính                                                              |
| 66.                                    | Hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn                                                                             |
| 67.                                    | Hồ sơ, tài liệu về đặt tên, đổi tên xã, phường, thị trấn, đường, công trình công cộng                                                                |
| 68.                                    | Hồ sơ, tài liệu về xây dựng đề án phân vạch, điều chỉnh địa giới hành chính cấp tỉnh, huyện, thành phố, xã trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt |
| 69.                                    | Hồ sơ về Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác quản lý địa giới hành chính                                                             |
| <b>3. Tài liệu Biên giới</b>           |                                                                                                                                                      |
| 70.                                    | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về công tác biên giới                                                                     |
| 71.                                    | Báo cáo tình hình chính trị, trật tự đường biên hàng năm, nhiều năm                                                                                  |
| 72.                                    | Hồ sơ, tài liệu về cắm mốc biên giới                                                                                                                 |
| 73.                                    | Sơ đồ biên giới quốc gia của tỉnh, huyện, thành phố                                                                                                  |
| 74.                                    | Tài liệu hoạt động liên quan đến đường biên                                                                                                          |
| <b>4. Tổ chức, cán bộ</b>              |                                                                                                                                                      |
| 75.                                    | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo, quy định, hướng dẫn trực tiếp về công tác tổ chức, cán bộ                                                     |
| 76.                                    | Hồ sơ xây dựng, ban hành Điều lệ tổ chức, quy chế làm việc về công tác tổ chức, cán bộ                                                               |
| 77.                                    | Chương trình, kế hoạch, báo cáo tổng kết, báo cáo chuyên đề về công tác tổ chức, cán bộ dài hạn, hàng năm                                            |
| 78.                                    | Hồ sơ về việc thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể, đổi tên, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc             |

|                                |                                                                                                                                                                                          |
|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 79.                            | Hồ sơ xây dựng, ban hành tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức                                                                                                                       |
| 80.                            | Hồ sơ về xây dựng và thực hiện chỉ tiêu biên chế                                                                                                                                         |
| 81.                            | Hồ sơ xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo cán bộ                                                                                                                                     |
| 82.                            | Hồ sơ, tài liệu thực hiện công tác bảo vệ nội bộ cơ quan                                                                                                                                 |
| 83.                            | Hồ sơ gốc cán bộ, công chức, viên chức                                                                                                                                                   |
| 84.                            | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch cán bộ                                                                                                                                                      |
| 85.                            | Hồ sơ, tài liệu về chỉ tiêu biên chế và tình hình thực hiện biên chế hằng năm                                                                                                            |
| 86.                            | Báo cáo chuyên đề về công tác cán bộ như: Thực hiện tiêu chuẩn chức danh, thi tuyển nâng ngạch, định mức lao động; cán bộ (nam, nữ, dân tộc, trình độ...) thống kê số lượng, chất lượng. |
| 87.                            | Kế hoạch và báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ                                                                                                                                   |
| 88.                            | Tài liệu về việc quản lý công tác đào tạo tại các cơ sở đào tạo dạy nghề                                                                                                                 |
| 89.                            | Sổ thống kê cán bộ, danh sách cán bộ lãnh đạo của các cơ quan, tổ chức                                                                                                                   |
| 90.                            | Hồ sơ xây dựng đề án tổ chức bộ máy của các ngành, cơ quan và các đơn vị trực thuộc                                                                                                      |
| 91.                            | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác tổ chức, cán bộ                                                                                                                |
| <b>5. Lao động, tiền lương</b> |                                                                                                                                                                                          |
| 92.                            | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về công tác lao động, tiền lương                                                                                                         |
| 93.                            | Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác lao động, tiền lương dài hạn, hằng năm                                                                                                          |
| 94.                            | Hồ sơ xây dựng, ban hành định mức lao động của ngành và báo cáo thực hiện                                                                                                                |
| 95.                            | Hồ sơ xây dựng, ban hành thang bảng lương của ngành và báo cáo thực hiện                                                                                                                 |
| 96.                            | Hồ sơ xây dựng, thực hiện các chế độ về lao động, tiền lương, an toàn lao động                                                                                                           |
| 97.                            | Báo cáo tổng hợp tình hình tai nạn lao động hằng năm, nhiều năm                                                                                                                          |
| 98.                            | Hồ sơ xử lý các vụ tai nạn lao động nghiêm trọng                                                                                                                                         |
| 99.                            | Hồ sơ xây dựng, ban hành chế độ phụ cấp của ngành và báo cáo thực hiện                                                                                                                   |
| 100.                           | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác lao động tiền lương                                                                                                            |
| <b>6. Dân tộc - Tôn giáo</b>   |                                                                                                                                                                                          |
| 101.                           | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về công tác dân tộc, tôn giáo                                                                                                 |
| 102.                           | Hồ sơ xây dựng, ban hành chế độ/quy định về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo                                                                                                                   |
| 103.                           | Chương trình, kế hoạch, báo cáo, dự án về công tác dân tộc, tôn giáo dài hạn, hằng năm                                                                                                   |

|      |                                                                                                                                                                                              |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 104. | Hồ sơ, tài liệu chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện chính sách tôn giáo, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào của công dân ở địa phương                    |
| 105. | Hồ sơ về thành lập hội, trường, lớp của tôn giáo                                                                                                                                             |
| 106. | Hồ sơ, tài liệu các vụ việc nghiêm trọng về dân tộc, tôn giáo                                                                                                                                |
| 107. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội chuyên đề về công tác dân tộc, tôn giáo                                                                                                                       |
|      | <b>7. Thi đua, khen thưởng</b>                                                                                                                                                               |
| 108. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về công tác thi đua, khen thưởng                                                                                                             |
| 109. | Hồ sơ xây dựng, ban hành quy chế/quy định, hướng dẫn về thi đua, khen thưởng                                                                                                                 |
| 110. | Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác thi đua, khen thưởng dài hạn, hằng năm                                                                                                              |
| 111. | Hồ sơ, tài liệu về các hình thức khen thưởng của Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ cho tập thể, cá nhân                                                                                   |
| 112. | Hồ sơ khen thưởng các danh hiệu đối với tập thể, cá nhân ở cấp khen thưởng thành tích trước và trong kháng chiến (Bằng có công với nước, Kỷ niệm chương, Huân, Huy chương kháng chiến...)    |
| 113. | Khen thưởng thành tích trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng (khen thưởng xuyên, khen đột xuất, tặng thưởng Huân, Huy chương Lao động, Cờ thi đua...) |
| 114. | Hồ sơ khen thưởng đối với người nước ngoài                                                                                                                                                   |
| 115. | Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác thi đua, khen thưởng                                                                                                                     |
| 116. | Các sổ vàng khen thưởng                                                                                                                                                                      |
|      | <b>8. Tài liệu về công tác văn thư, lưu trữ</b>                                                                                                                                              |
| 117. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về công tác văn thư, lưu trữ                                                                                                                 |
| 118. | Hồ sơ xây dựng, ban hành quy định hướng dẫn công tác văn thư, lưu trữ                                                                                                                        |
| 119. | Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác văn thư, lưu trữ hằng năm, nhiều năm                                                                                                                |
| 120. | Hồ sơ về lập, ban hành danh mục bí mật nhà nước                                                                                                                                              |
| 121. | Tập lưu, sổ đăng ký văn bản Quy phạm pháp luật, Chỉ thị, Quyết định, Quy chế, Hướng dẫn (đi)                                                                                                 |
| 122. | Tài liệu sưu tầm, ghi chép về lịch sử của huyện, thành phố (kể cả tài liệu phim, ảnh, ghi âm, ghi hình, tranh triển lãm)                                                                     |
| 123. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác văn thư, lưu trữ hằng năm                                                                                                          |
|      | <b>9. Cải cách hành chính</b>                                                                                                                                                                |



|      |                                                                                                                                                                                                                                       |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 124. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về công tác cải cách hành chính                                                                                                                                                       |
| 125. | Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác cải cách hành chính dài hạn, hằng năm                                                                                                                                                        |
| 126. | Đề án Cải cách hành chính của tỉnh, huyện, thành phố                                                                                                                                                                                  |
| 127. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên ngành về công tác cải cách hành chính                                                                                                                                                      |
|      | <b>III. TÀI LIỆU THI HÀNH PHÁP LUẬT</b>                                                                                                                                                                                               |
|      | <b>1. Thanh tra</b>                                                                                                                                                                                                                   |
| 128. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về công tác thanh tra                                                                                                                                                                 |
| 129. | Hồ sơ xây dựng ban hành quy chế/quy định hướng dẫn về thanh tra và giải quyết về khiếu nại, tố cáo                                                                                                                                    |
| 130. | Chương trình, kế hoạch về công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo dài hạn, hằng năm                                                                                                                                |
| 131. | Báo cáo tổng kết, dài hạn, hằng năm về công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo                                                                                                                                     |
| 132. | Hồ sơ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo các vụ việc nghiêm trọng                                                                                                                                                                |
| 133. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo                                                                                                                                     |
|      | <b>2. Tư pháp</b>                                                                                                                                                                                                                     |
| 134. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về công tác tư pháp                                                                                                                                                                   |
| 135. | Chương trình kế hoạch, báo cáo về công tác tư pháp, thi hành pháp luật dài hạn, hằng năm                                                                                                                                              |
| 136. | Chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản pháp luật hằng năm                                                                                                                                                                            |
| 137. | Hồ sơ, tài liệu về công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật                                                                                                                                                                          |
| 138. | Hồ sơ, tài liệu về công tác cải cách tư pháp, hỗ trợ tư pháp và thi hành án dân sự                                                                                                                                                    |
| 139. | Hồ sơ xử lý các vụ vi phạm pháp luật và xử phạt hành chính nghiêm trọng                                                                                                                                                               |
| 140. | Hồ sơ quản lý công tác tư pháp, hộ tịch (việc kết hôn có yếu tố nước ngoài; xin nuôi con nuôi hoặc nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam với nhau và giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, xin nhập, xin thôi quốc tịch Việt Nam) |
| 141. | Hồ sơ quản lý công tác hộ tịch (bổ sung, cải chính, đăng ký hộ tịch)                                                                                                                                                                  |
| 142. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác tư pháp, hộ tịch                                                                                                                                                            |
|      | <b>3. Tòa án</b>                                                                                                                                                                                                                      |

|      |                                                                                                                                                                                                                                             |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 143. | Chương trình, kế hoạch và báo cáo công tác năm của Tòa án nhân dân tỉnh, huyện, thành phố                                                                                                                                                   |
| 144. | Báo cáo của tòa án nhân dân tỉnh, huyện, thành phố về các vụ việc điển hình                                                                                                                                                                 |
| 145. | Hồ sơ về việc kiểm tra các bản án đã có hiệu lực                                                                                                                                                                                            |
|      | <b>4. Kiểm sát</b>                                                                                                                                                                                                                          |
| 146. | Chương trình, kế hoạch và báo cáo công tác năm của kiểm sát nhân dân tỉnh, huyện, thành phố                                                                                                                                                 |
| 147. | Báo cáo của kiểm sát nhân dân về các vụ điển hình                                                                                                                                                                                           |
|      | <b>IV. QUỐC PHÒNG - AN NINH TRẬT TỰ</b>                                                                                                                                                                                                     |
|      | <b>1. Quốc phòng</b>                                                                                                                                                                                                                        |
| 148. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về công tác quân sự, quốc phòng                                                                                                                                                  |
| 149. | Kế hoạch, báo cáo về công tác xây dựng và củng cố quốc phòng hằng năm, nhiều năm                                                                                                                                                            |
| 150. | Hồ sơ, tài liệu về tuyển quân hằng năm                                                                                                                                                                                                      |
| 151. | Báo cáo của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy quân sự huyện, thành phố về công tác quân sự, quốc phòng                                                                                                                                   |
| 152. | Kế hoạch, báo cáo của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy quân sự huyện, thành phố về công tác quân sự hằng năm (tuyển quân, huấn luyện, diễn tập phòng thủ và phối hợp tác chiến, bảo vệ chính quyền, chống bạo loạn, xây dựng lực lượng) |
| 153. | Hồ sơ về thực hiện các chế độ đối với quân nhân và chính sách hậu phương quân đội                                                                                                                                                           |
| 154. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên ngành về công tác quân sự quốc phòng                                                                                                                                                             |
|      | <b>2. An ninh trật tự</b>                                                                                                                                                                                                                   |
| 155. | Tài liệu của cơ quan cấp trên hướng dẫn, chỉ đạo về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh trật tự, an toàn xã hội                                                                                                                                 |
| 156. | Kế hoạch, báo cáo về công tác an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội dài hạn, hằng năm                                                                                                                                          |
| 157. | Văn bản hướng dẫn của tỉnh về bảo vệ bí mật nhà nước                                                                                                                                                                                        |
| 158. | Văn bản hướng dẫn của tỉnh về công tác phòng cháy, chữa cháy                                                                                                                                                                                |
| 159. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác an ninh, trật tự                                                                                                                                                                  |
|      | <b>V. KINH TẾ</b>                                                                                                                                                                                                                           |
|      | <b>1. Tài chính ngân sách</b>                                                                                                                                                                                                               |

|                            |                                                                                                                                        |
|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 160.                       | Tài liệu của cơ quan cấp trên hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp về công tác tài chính, ngân sách                                            |
| 161.                       | Chương trình, kế hoạch, báo cáo về công tác tài chính, ngân sách dài hạn, hằng năm                                                     |
| 162.                       | Hồ sơ giao dự toán thu, chi ngân sách hằng năm                                                                                         |
| 163.                       | Báo cáo thực hiện dự toán ngân sách nhà nước                                                                                           |
| 164.                       | Hồ sơ, tài liệu điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách                                                                                   |
| 165.                       | Báo cáo tài chính hằng năm của các sở, ngành, huyện, thành phố thuộc tỉnh; các phòng, ban, xã, phường, thị trấn thuộc huyện            |
| 166.                       | Báo cáo quyết toán thu chi ngân sách hằng năm                                                                                          |
| 167.                       | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác tài chính hằng năm                                                           |
| <b>2. Vốn, kinh phí</b>    |                                                                                                                                        |
| 168.                       | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về quản lý vốn, kinh phí                                                               |
| 169.                       | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hằng năm, nhiều năm thực hiện cấp phát vốn đầu tư                                                      |
| 170.                       | Báo cáo thực hiện vốn đầu tư hằng năm của các sở, ngành, huyện, thành phố thuộc tỉnh; các phòng, ban, xã, phường, thị trấn thuộc huyện |
| 171.                       | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực kêu gọi đầu tư, hợp tác đầu tư và quản lý vốn đầu tư                                                       |
| 172.                       | Hồ sơ hội nghị tổng kết và công tác sử dụng kinh phí và vốn hằng năm                                                                   |
| <b>3. Quản lý công sản</b> |                                                                                                                                        |
| 173.                       | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp việc quản lý công sản                                                                  |
| 174.                       | Báo cáo về công tác quản lý công sản hằng năm                                                                                          |
| 175.                       | Hồ sơ, tài liệu, về quản lý công sản (KCN, KCX, đất đai, trụ sở làm việc..)                                                            |
| 176.                       | Hồ sơ, tài liệu về thay đổi chủ sở hữu về tài sản công                                                                                 |
| 177.                       | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác quản lý công sản                                                             |
| <b>4. Kiểm toán</b>        |                                                                                                                                        |
| 178.                       | Tài liệu của cơ quan cấp trên hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp về công tác kiểm toán                                                       |
| 179.                       | Hồ sơ, tài liệu hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về kiểm toán        |
| 180.                       | Báo cáo của các sở, ban, ngành, doanh nghiệp thuộc tỉnh; Các phòng, ban chuyên môn thuộc huyện về công tác kiểm toán                   |
| 181.                       | Hồ sơ kiểm toán Nhà nước                                                                                                               |
| <b>5. Vật giá</b>          |                                                                                                                                        |

|                                           |                                                                                                                      |
|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 182.                                      | Tài liệu của cơ quan cấp trên về quản lý giá cả, thị trường và quy định về khung giá trên địa bàn                    |
| 183.                                      | Báo cáo về tình hình giá cả, thị trường và công tác quản lý chỉ đạo, định hướng điều hành giá cả hằng năm, nhiều năm |
| <b>6. Thuế</b>                            |                                                                                                                      |
| 184.                                      | Tài liệu của cơ quan cấp trên quy định về các mức thuế, phí, lệ phí                                                  |
| 185.                                      | Chỉ tiêu pháp lệnh và chỉ tiêu phấn đấu thu ngân sách Nhà nước hằng năm (chính thức, bổ sung, điều chỉnh)            |
| 186.                                      | Hồ sơ xây dựng và phê duyệt dự toán thu ngân sách hằng năm của ngành thuế                                            |
| 187.                                      | Báo cáo tổng hợp nguồn thu thuế hằng năm của ngành thuế                                                              |
| 188.                                      | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác thuế                                                       |
| <b>7. Quản lý thị trường</b>              |                                                                                                                      |
| 189.                                      | Tài liệu của cơ quan cấp trên hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp về công tác quản lý thị trường                            |
| 190.                                      | Kế hoạch, báo cáo tình hình quản lý thị trường hằng năm, nhiều năm                                                   |
| 191.                                      | Hồ sơ xử lý, giải quyết các vụ việc nghiêm trọng liên quan đến lĩnh vực quản lý thị trường                           |
| <b>8. Dự trữ quốc gia</b>                 |                                                                                                                      |
| 192.                                      | Tài liệu của cơ quan cấp trên hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp việc thực hiện công tác dự trữ quốc gia                   |
| 193.                                      | Kế hoạch, báo cáo về công tác dự trữ hằng năm, nhiều năm                                                             |
| 194.                                      | Tài liệu về việc lập quỹ dự trữ theo quy định                                                                        |
| 195.                                      | Hồ sơ thực hiện các nhiệm vụ dự trữ quốc gia                                                                         |
| <b>9. Tài chính doanh nghiệp</b>          |                                                                                                                      |
| 196.                                      | Tài liệu của cơ quan cấp trên hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp về công tác tài chính doanh nghiệp                        |
| 197.                                      | Báo cáo đánh giá tài chính doanh nghiệp hằng năm                                                                     |
| 198.                                      | Hồ sơ về thành lập, tổ chức lại doanh nghiệp, cấp, đổi giấy phép và sắp xếp sản xuất kinh doanh                      |
| 199.                                      | Hồ sơ về tài liệu giải thể, phá sản doanh nghiệp                                                                     |
| 200.                                      | Hồ sơ, tài liệu về cổ phần hóa doanh nghiệp                                                                          |
| 201.                                      | Hồ sơ quản lý doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trên địa bàn tỉnh, huyện, thành phố                                  |
| <b>10. Thương mại - dịch vụ - du lịch</b> |                                                                                                                      |

|                                |                                                                                                                                                |
|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 202.                           | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch                                                      |
| 203.                           | Hồ sơ xây dựng văn bản chế độ/quy định, hướng dẫn về quản lý lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch                                             |
| 204.                           | Tài liệu về quy hoạch phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch (tổ chức mạng lưới kinh doanh, HTX mua bán, chợ nông thôn, các cơ sở du lịch ..) |
| 205.                           | Chương trình, kế hoạch, đề án, báo cáo tổng kết hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch dài hạn, hằng năm                                       |
| 206.                           | Hồ sơ quản lý, tổ chức các hội chợ, triển lãm thương mại                                                                                       |
| 207.                           | Hồ sơ về các dự án đầu tư của các tổ chức trong và ngoài nước cho ngành du lịch                                                                |
| 208.                           | Hồ sơ quản lý các doanh nghiệp kinh doanh các loại dịch vụ                                                                                     |
| 209.                           | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về thương mại, dịch vụ, du lịch                                                                  |
| <b>11. Ngân hàng - Kho bạc</b> |                                                                                                                                                |
| 210.                           | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về công tác ngân hàng, kho bạc                                                                 |
| 211.                           | Kế hoạch, báo cáo về tình hình hoạt động của các Ngân hàng, Kho bạc hằng năm, nhiều năm                                                        |
| 212.                           | Hồ sơ, tài liệu về những vụ vi phạm nghiêm trọng xảy ra trong lĩnh vực ngân hàng                                                               |
| 213.                           | Hồ sơ về công tác thu đổi tiền tệ                                                                                                              |
| 214.                           | Hồ sơ Hội nghị chuyên đề về công tác ngân hàng, kho bạc                                                                                        |
| <b>12. Kinh tế đối ngoại</b>   |                                                                                                                                                |
| 215.                           | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về hoạt động kinh tế đối ngoại                                                                 |
| 216.                           | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hằng năm, nhiều năm về hoạt động kinh tế đối ngoại                                                             |
| 217.                           | Tài liệu về việc đặt cơ quan đại diện thương mại nước ngoài                                                                                    |
| 218.                           | Hồ sơ về việc hợp tác kinh tế với người nước ngoài                                                                                             |
| 219.                           | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về lĩnh vực kinh tế đối ngoại                                                                    |
| <b>13. Xuất, nhập khẩu</b>     |                                                                                                                                                |
| 220.                           | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về công tác xuất, nhập khẩu                                                                    |
| 221.                           | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hằng năm, nhiều năm về tình hình xuất nhập khẩu                                                                |
| 222.                           | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về xuất, nhập khẩu                                                                               |
| 223.                           | Danh mục hàng hóa cấm xuất, nhập khẩu                                                                                                          |

|      |                                                                                                                                                                                                             |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      | <b>VI. Y TẾ - GIÁO DỤC</b>                                                                                                                                                                                  |
|      | <b>1. Giáo dục</b>                                                                                                                                                                                          |
| 224. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về công tác Giáo dục và Đào tạo                                                                                                                             |
| 225. | Hồ sơ xây dựng văn bản chế độ/quy định, hướng dẫn về công tác giáo dục                                                                                                                                      |
| 226. | Chương trình, kế hoạch, đề án quy hoạch, báo cáo tổng kết công tác giáo dục hằng năm, nhiều năm                                                                                                             |
| 227. | Hồ sơ về các dự án đầu tư của các tổ chức trong và ngoài nước cho ngành giáo dục                                                                                                                            |
| 228. | Hồ sơ điều tra cơ bản về ngành giáo dục                                                                                                                                                                     |
| 229. | Hồ sơ về Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác giáo dục                                                                                                                                       |
| 230. | Hồ sơ về thanh tra, kiểm tra các vụ việc nghiêm trọng của ngành giáo dục                                                                                                                                    |
|      | <b>2. Y tế</b>                                                                                                                                                                                              |
| 231. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về các hoạt động y tế                                                                                                                                       |
| 232. | Hồ sơ về xây dựng văn bản chế độ/quy định, hướng dẫn về công tác y tế                                                                                                                                       |
| 233. | Chương trình, kế hoạch, báo cáo tổng kết hoạt động y tế hằng năm, nhiều năm                                                                                                                                 |
| 234. | Chương trình, đề án quy hoạch xây dựng và phát triển ngành y tế                                                                                                                                             |
| 235. | Báo cáo chuyên đề về y tế trên địa bàn (công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh, quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, tuyên truyền giáo dục y tế cộng đồng, giám định y khoa, kế hoạch hóa gia đình..) |
| 236. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác y tế                                                                                                                                              |
|      | <b>VII. VĂN HÓA - XÃ HỘI</b>                                                                                                                                                                                |
|      | <b>1. Văn hóa - Thông tin - Bưu chính</b>                                                                                                                                                                   |
| 237. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về công tác văn hóa, thông tin, bưu chính                                                                                                                   |
| 238. | Hồ sơ xây dựng văn bản chế độ/quy định, hướng dẫn về công tác văn hóa, thông tin, bưu chính                                                                                                                 |
| 239. | Chương trình, kế hoạch, báo cáo các hoạt động văn hóa, thông tin, bưu chính: Hằng năm, nhiều năm                                                                                                            |
| 240. | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch và phát triển các nhà văn hóa                                                                                                                                                  |
| 241. | Hồ sơ giải quyết những vụ việc nghiêm trọng trong hoạt động của ngành văn hóa, thông tin                                                                                                                    |
| 242. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác văn hóa, thông tin, bưu chính                                                                                                                     |
|      | <b>2. Thể thao</b>                                                                                                                                                                                          |

|      |                                                                                                         |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 243. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về các hoạt động thể dục, thể thao                      |
| 244. | Hồ sơ xây dựng văn bản chế độ/quy định, hướng dẫn về các hoạt động thể dục, thể thao                    |
| 245. | Chương trình, kế hoạch, báo cáo tổng kết các hoạt động thể dục, thể thao: Dài hạn, hằng năm             |
| 246. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết công tác thể dục, thể thao                                                      |
|      | <b>3. Lao động - Thương binh - xã hội</b>                                                               |
| 247. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về công tác Lao động - Thương binh - xã hội             |
| 248. | Chương trình, kế hoạch, báo cáo tổng kết, báo cáo chuyên đề về công tác Lao động - Thương binh - xã hội |
| 249. | Tài liệu bản đồ về công tác quy tập mộ liệt sỹ trên địa bàn tỉnh, huyện, thành phố                      |
| 250. | Báo cáo hoạt động của các Trung tâm dạy nghề và dịch vụ việc làm                                        |
| 251. | Hồ sơ thống kê, điều tra cơ bản của ngành Lao động - Thương binh - xã hội                               |
| 252. | Hồ sơ giải quyết chế độ chính sách người có công cách mạng (bệnh binh, liệt sỹ, thương binh..)          |
| 253. | Hồ sơ, tài liệu về hoạt động của các quỹ (quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo..)                   |
| 254. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác Lao động - Thương binh - xã hội               |
|      | <b>4. Dân số - Gia đình và trẻ em</b>                                                                   |
| 255. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về công tác dân số, gia đình và trẻ em                  |
| 256. | Hồ sơ xây dựng văn bản chế độ/quy định, hướng dẫn về công tác dân số, gia đình và trẻ em                |
| 257. | Chương trình, kế hoạch và báo cáo tổng kết công tác năm về Dân số, gia đình và Trẻ em                   |
| 258. | Các báo cáo chuyên đề về công tác chăm sóc, bảo vệ bà mẹ và Trẻ sơ sinh trên địa bàn                    |
| 259. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác dân số, gia đình và trẻ em                    |
|      | <b>5. Bảo hiểm xã hội</b>                                                                               |
| 260. | Hồ sơ quy định, văn bản hướng dẫn về công tác BHXH, BHYT, BHTN                                          |
| 261. | Báo cáo tổng kết công tác bảo hiểm hằng năm, dài hạn                                                    |

|      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 262. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác bảo hiểm                                                                                                                                                                                                                                                  |
|      | <b>VIII. ĐÔ THỊ - TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b>                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|      | <b>1. Đô thị</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|      | <b>a) Quản lý xây dựng cơ bản</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 263. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp chỉ đạo trực tiếp về công tác quản lý xây dựng cơ bản                                                                                                                                                                                                               |
| 264. | Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác đầu tư xây dựng cơ bản: Dài hạn, hằng năm                                                                                                                                                                                                                                  |
| 265. | Hồ sơ tài liệu quy hoạch xây dựng (tổng thể, chi tiết )                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 266. | Hồ sơ xây dựng các công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, thành phố đầu tư: Công trình nhóm A, công trình áp dụng các giải pháp mới về kiến trúc, kết cấu, công nghệ, thiết bị, vật liệu mới; công trình xây dựng trong điều kiện địa chất, địa hình đặc biệt, công trình được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa |
| 267. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác quản lý xây dựng cơ bản                                                                                                                                                                                                                                   |
|      | <b>b) Quản lý đô thị</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 268. | Tài liệu của UBND tỉnh chỉ đạo về công tác quản lý đô thị (giao thông công trình, xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, môi trường, điện chiếu sáng đô thị, nước sạch,...)                                                                                                                                                 |
| 269. | Chương trình, kế hoạch, báo cáo về công tác quản lý đô thị: Dài hạn, hằng năm                                                                                                                                                                                                                                       |
| 270. | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch và phát triển đô thị                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 271. | Hồ sơ, tài liệu về dự án đầu tư, phát triển đô thị                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 272. | Hồ sơ về các chương trình, dự án trong lĩnh vực cấp, thoát nước đô thị                                                                                                                                                                                                                                              |
| 273. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác quản lý đô thị                                                                                                                                                                                                                                            |
|      | <b>c) Quản lý và sử dụng nhà ở, đất ở</b>                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 274. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về công tác quản lý và sử dụng nhà ở, đất ở                                                                                                                                                                                                                         |
| 275. | Báo cáo công tác quản lý sử dụng nhà ở, đất ở: Dài hạn, hằng năm                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 276. | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch và phát triển nhà ở                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 277. | Hồ sơ, tài liệu về cấp, cấp đổi, cấp lại GCN quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 278. | Hồ sơ, tài liệu về chuyển quyền sử dụng nhà ở, đất ở                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 279. | Hồ sơ, tài liệu về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi nhà ở, đất ở                                                                                                                                                                                                                                             |
| 280. | Hồ sơ về việc thực hiện chính sách nhà ở                                                                                                                                                                                                                                                                            |



|      |                                                                                                               |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 281. | Hồ sơ về việc điều tra, kiểm tra về nhà cửa                                                                   |
| 282. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác quản lý và sử dụng nhà ở, đất ở                     |
|      | <b>2. Tài nguyên - Môi trường</b>                                                                             |
| 283. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về công tác quản lý, bảo vệ, khai thác tài nguyên, môi trường |
| 284. | Chương trình, kế hoạch, báo cáo về quản lý, bảo vệ và khai thác tài nguyên, môi trường                        |
| 285. | Hồ sơ, tài liệu về quản lý tài nguyên, khoáng sản                                                             |
| 286. | Hồ sơ, tài liệu về phòng chống thảm họa                                                                       |
| 287. | Hồ sơ về các chương trình, dự án về quản lý và bảo vệ môi trường                                              |
| 288. | Hồ sơ tổ chức thực hiện quản lý và bảo vệ môi trường                                                          |
| 289. | Hồ sơ xử lý các vụ việc ô nhiễm môi trường nghiêm trọng                                                       |
| 290. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác tài nguyên, môi trường                              |
| 291. | Sổ đăng ký cấp giấy phép khai thác tài nguyên                                                                 |
|      | <b>3. Tài nguyên đất</b>                                                                                      |
| 292. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về quản lý tài nguyên đất                                     |
| 293. | Chương trình, kế hoạch, báo cáo về công tác quản lý sử dụng ruộng, đất: Hằng năm, nhiều năm                   |
| 294. | Hồ sơ, tài liệu về đo đạc lập bản đồ ruộng đất                                                                |
| 295. | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất                                                          |
| 296. | Hồ sơ, tài liệu cho thuê, sử dụng quyền sử dụng đất trên địa bàn cho các tổ chức cá nhân                      |
| 297. | Tài liệu về thống kê, kiểm kê đất đai                                                                         |
| 298. | Hồ sơ giải quyết những vấn đề đất đai nghiêm trọng trên địa bàn                                               |
| 299. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác đất đai                                             |
|      | <b>4. Tài nguyên nước</b>                                                                                     |
| 300. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về quản lý tài nguyên nước                                    |
| 301. | Chương trình, kế hoạch, báo cáo về quản lý, khai thác tài nguyên nước hằng năm, nhiều năm                     |
| 302. | Hồ sơ xử lý những vụ vi phạm nghiêm trọng quản lý, sử dụng tài nguyên nước                                    |
| 303. | Hồ sơ Hội nghị chuyên đề về lĩnh vực quản lý tài nguyên nước                                                  |
|      | <b>5. Khí tượng thủy văn</b>                                                                                  |

|                                                          |                                                                                                                                                         |
|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 304.                                                     | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về các vấn đề khí tượng thủy văn                                                                        |
| 305.                                                     | Báo cáo công tác khí tượng thủy văn trên địa bàn hằng năm, nhiều năm                                                                                    |
| <b>IX. KHOA HỌC CÔNG NGHỆ</b>                            |                                                                                                                                                         |
| <b>1. Khoa học công nghệ</b>                             |                                                                                                                                                         |
| 306.                                                     | Tài liệu của cơ quan cấp trên hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp về lĩnh vực khoa học, công nghệ                                                              |
| 307.                                                     | Chương trình, kế hoạch, báo cáo về các hoạt động khoa học, công nghệ hằng năm, nhiều năm                                                                |
| 308.                                                     | Hồ sơ Hội nghị khoa học do tỉnh, huyện, thành phố tổ chức, hoặc được cơ quan cấp trên giao cho tổ chức                                                  |
| 309.                                                     | Hồ sơ về việc chỉ đạo, hướng dẫn ứng dụng các quy trình công nghệ mới vào hoạt động sản xuất                                                            |
| 310.                                                     | Hồ sơ về việc xây dựng, chỉ đạo điểm các mô hình trình diễn giới thiệu các sản phẩm khoa học, công nghệ                                                 |
| 311.                                                     | Hồ sơ các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học do tỉnh, huyện, thành phố tổ chức (đề tài cấp Nhà nước)                                              |
| 312.                                                     | Hồ sơ về các sáng kiến, cải tiến ứng dụng khoa học công nghệ của các tập thể, cá nhân trong tỉnh                                                        |
| 313.                                                     | Hồ sơ Hội nghị tổng kết công tác khoa học, công nghệ                                                                                                    |
| <b>2. Công nghệ thông tin</b>                            |                                                                                                                                                         |
| 314.                                                     | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về lĩnh vực công nghệ thông tin                                                              |
| 315.                                                     | Chương trình, kế hoạch, báo cáo về công tác công nghệ thông tin hằng năm, nhiều năm                                                                     |
| 316.                                                     | Chương trình, báo cáo hàng năm về việc thực hiện chương trình công nghệ thông tin của UBND tỉnh, huyện, thành phố và các sở, ban, ngành                 |
| 317.                                                     | Hồ sơ Hội nghị chuyên đề về công tác công nghệ thông tin                                                                                                |
| <b>X. NÔNG NGHIỆP - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN - THỦY LỢI</b> |                                                                                                                                                         |
| <b>1. Nông nghiệp</b>                                    |                                                                                                                                                         |
| 318.                                                     | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về nông nghiệp trên địa bàn                                                                             |
| 319.                                                     | Chương trình, kế hoạch, báo cáo về lĩnh vực nông nghiệp hằng năm, nhiều năm                                                                             |
| 320.                                                     | Hồ sơ chỉ đạo điểm, điển hình về những vấn đề nông nghiệp                                                                                               |
| 321.                                                     | Bản đồ quy hoạch và thực trạng phát triển các vùng trồng trọt, chăn nuôi, các loại giống cây, giống con và sử dụng các loại cơ giới, vật tư nông nghiệp |
| 322.                                                     | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về lĩnh vực nông nghiệp                                                                                   |

|      |                                                                                                              |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 323. | Sổ sách thống kê, theo dõi, số liệu điều tra tổng hợp về tình hình biến động trên lĩnh vực nông nghiệp       |
|      | <b>2. Chính sách phát triển nông thôn</b>                                                                    |
| 324. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về chính sách phát triển nông thôn trong                     |
| 325. | Chương trình, kế hoạch, báo cáo tình hình thực hiện các chính sách phát triển nông thôn hằng năm, nhiều năm  |
| 326. | Báo cáo chuyên đề về việc thực hiện thực hiện các chính sách phát triển nông thôn                            |
| 327. | Hồ sơ chỉ đạo điểm, điển hình về thực hiện chính sách phát triển nông thôn tại các địa phương trong tỉnh     |
| 328. | Hồ sơ giải quyết những vấn đề quan trọng trong thực hiện các chính sách phát triển nông thôn                 |
| 329. | Bản đồ quy hoạch và thực trạng về tình hình thực hiện các chính sách phát triển nông thôn tại các địa phương |
| 330. | Hồ sơ, tài liệu về chương trình nước sạch tại các địa phương                                                 |
| 331. | Hồ sơ, tài liệu về thực hiện giãn dân, di dân đi vùng kinh tế mới                                            |
| 332. | Hồ sơ, tài liệu về quản lý công tác định canh, định cư                                                       |
| 333. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về chính sách phát triển nông thôn                             |
| 334. | Sổ sách thống kê, theo dõi, tổng hợp về tình hình thực hiện các chính sách phát triển nông thôn              |
|      | <b>3. Lâm nghiệp</b>                                                                                         |
| 335. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về Lâm nghiệp                                                |
| 336. | Chương trình, kế hoạch, báo cáo về công tác lâm nghiệp hằng năm, nhiều năm                                   |
| 337. | Hồ sơ chỉ đạo điểm, điển hình về quản lý trong lĩnh vực lâm nghiệp                                           |
| 338. | Báo cáo chuyên đề nghiên cứu về lĩnh vực lâm nghiệp                                                          |
| 339. | Bản đồ quy hoạch và bản đồ thực trạng phát triển rừng                                                        |
| 340. | Hồ sơ, tài liệu quản lý việc sử dụng đất lâm nghiệp                                                          |
| 341. | Hồ sơ, tài liệu về cho thuê đất rừng gắn với việc phát triển kinh tế và phát triển rừng                      |
| 342. | Hồ sơ xử lý những vụ, việc vi phạm nghiêm trọng trong lĩnh vực lâm nghiệp                                    |
| 343. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về lĩnh vực lâm nghiệp                                         |
|      | <b>3. Thủy sản</b>                                                                                           |

|      |                                                                                                                                    |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 344. | Tài liệu của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về các vấn đề thủy sản                                                             |
| 345. | Chương trình, kế hoạch, báo cáo về các hoạt động về lĩnh vực thủy sản hằng năm, nhiều năm                                          |
| 346. | Hồ sơ giải quyết những vấn đề về lĩnh vực thủy sản nghiêm trọng                                                                    |
| 347. | Hồ sơ chỉ đạo điểm, xây dựng các mô hình, chế biến; đề án quy hoạch và phát triển nguồn thủy sản                                   |
| 348. | Hồ sơ, tài liệu quản lý việc sử dụng đất để nuôi trồng thủy sản; sổ sách theo dõi, tổng hợp số liệu về ngành thủy sản qua các năm  |
| 349. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác nuôi trồng, chế biến, khai thác thủy sản                                 |
|      | <b>4. Thủy lợi</b>                                                                                                                 |
| 350. | Văn bản của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về các vấn đề thủy lợi                                                              |
| 351. | Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác thủy lợi hằng năm, nhiều năm                                                              |
| 352. | Hồ sơ chỉ đạo điểm, điển hình; báo cáo chuyên đề; bản đồ quy hoạch về các vấn đề công tác thủy lợi                                 |
| 353. | Hồ sơ, tài liệu về công tác phòng chống lụt bão điển hình                                                                          |
| 354. | Hồ sơ, tài liệu về công tác quản lý và bảo vệ hệ thống đê điều; sổ sách thống kê, theo dõi số liệu điều tra về các vấn đề thủy lợi |
| 355. | Hồ sơ về các vụ việc nghiêm trọng việc bảo vệ đê điều trên địa bàn                                                                 |
| 356. | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác thủy lợi                                                                 |
| 357. | Sổ sách thống kê, theo dõi số liệu điều tra về các vấn đề thủy lợi                                                                 |
|      | <b>XI. CÔNG NGHIỆP - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP</b>                                                                                      |
|      | <b>1. Công nghiệp</b>                                                                                                              |
| 358. | Văn bản của cơ quan cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về lĩnh vực công nghiệp                                                  |
| 359. | Chương trình, kế hoạch, báo cáo về phát triển công nghiệp hằng năm, nhiều năm                                                      |
| 360. | Tài liệu về các chủ trương, biện pháp thực hiện công nghiệp                                                                        |
| 361. | Hồ sơ quản lý việc thực hiện các chương trình, dự án phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế                     |
| 362. | Hồ sơ về các khu công nghiệp, dự án thành lập đầu tư; hồ sơ Hội nghị chuyên đề về lĩnh vực công nghiệp                             |
|      | <b>2. Tiểu - thủ công nghiệp</b>                                                                                                   |
| 363. | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch xây dựng và phát triển tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn (tổng thể, chi tiết)                         |

|                                     |                                                                                                                                                                                                                     |
|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 364.                                | Chương trình, kế hoạch, báo cáo về tình hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp hằng năm, nhiều năm                                                                                                                      |
| 365.                                | Hồ sơ chỉ đạo điểm, xây dựng mô hình làng nghề sản xuất, hợp tác xã sản xuất tiểu thủ công nghiệp                                                                                                                   |
| 366.                                | Hồ sơ, tài liệu về các thương hiệu sản phẩm hàng hóa của các HTX, các làng nghề, chế biến nông lâm thổ sản; khai thác sản xuất vật liệu xây dựng; chế biến lương thực thực phẩm; gia công cơ khí, hàng mộc dân dụng |
| 367.                                | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác tiểu thủ công nghiệp                                                                                                                                      |
| <b>3. Điện</b>                      |                                                                                                                                                                                                                     |
| 368.                                | Văn bản của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về công tác điện lực                                                                                                                                                 |
| 369.                                | Kế hoạch, báo cáo về lĩnh vực điện lực hằng năm, nhiều năm                                                                                                                                                          |
| 370.                                | Hồ sơ về quy hoạch và phát triển mạng lưới điện; báo cáo về công tác quản lý chất lượng điện và giá điện                                                                                                            |
| 371.                                | Hồ sơ về Hội nghị tổng kết công tác điện lực                                                                                                                                                                        |
| <b>XII. GIAO THÔNG VẬN TẢI</b>      |                                                                                                                                                                                                                     |
| 372.                                | Văn bản của cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp về lĩnh vực giao thông vận tải                                                                                                                                       |
| 373.                                | Chương trình, kế hoạch, báo cáo tổng kết công tác giao thông vận tải hằng năm, nhiều năm                                                                                                                            |
| 374.                                | Hồ sơ về quy hoạch và phát triển mạng lưới giao thông vận tải (tỉnh lộ, đường giao thông liên xã, liên xóm,...)                                                                                                     |
| 375.                                | Hồ sơ, tài liệu quy định về an toàn lộ giới                                                                                                                                                                         |
| 376.                                | Hồ sơ tài liệu về xây dựng các tuyến đường giao thông do tỉnh, huyện, thành phố quản lý                                                                                                                             |
| 377.                                | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác giao thông                                                                                                                                                |
| <b>XIII. TÀI LIỆU CỦA VĂN PHÒNG</b> |                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>1. Hành chính - Tổ chức</b>      |                                                                                                                                                                                                                     |
| 378.                                | Kế hoạch, báo cáo công tác năm, nhiều năm của Văn phòng UBND tỉnh, huyện, thành phố                                                                                                                                 |
| 379.                                | Tài liệu về quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và quy chế hoạt động của Văn phòng UBND tỉnh, huyện, thành phố                                                                                             |
| 380.                                | Hồ sơ của cán bộ, công chức, viên chức Văn phòng UBND tỉnh thuộc diện UBND tỉnh, huyện, thành phố quản lý                                                                                                           |
| 381.                                | Tài liệu sưu tầm, ghi chép về lịch sử của tỉnh (kể cả tài liệu phim, ảnh, ghi âm, ghi hình, tranh ảnh triển lãm)                                                                                                    |
| 382.                                | Hồ sơ hội nghị công tác văn phòng do UBND tỉnh, huyện, thành phố triệu tập                                                                                                                                          |

|      |                                                                                                                                                                   |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      | <b>2. Tài liệu thi đua, khen thưởng</b>                                                                                                                           |
| 383. | Quy định, quy chế của Văn phòng UBND tỉnh, huyện, thành phố về công tác thi đua, khen thưởng                                                                      |
| 384. | Hồ sơ khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc Văn phòng UBND tỉnh, huyện, thành phố về các hình thức khen thưởng của Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ          |
|      | <b>3. Tài liệu văn thư, lưu trữ</b>                                                                                                                               |
| 385. | Mục lục hồ sơ có giá trị bảo quản vĩnh viễn                                                                                                                       |
| 386. | Các tập lưu: Văn bản Quy phạm pháp luật, Quyết định, Quy định, quy chế (đi) của Văn phòng UBND tỉnh, huyện, thành phố hằng năm                                    |
|      | <b>4. Tài liệu Quản trị - Tài vụ</b>                                                                                                                              |
| 387. | Quy chế, quy định về chế độ kế toán của Văn phòng                                                                                                                 |
| 388. | Báo cáo tài chính của Văn phòng                                                                                                                                   |
| 389. | Báo cáo kiểm kê tài sản cố định                                                                                                                                   |
|      | <b>C. TÀI LIỆU CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG - ĐOÀN THỂ</b>                                                                                                                    |
|      | <b>1. Tài liệu Đảng</b>                                                                                                                                           |
| 390. | Hồ sơ Đại hội                                                                                                                                                     |
| 391. | Chương trình, kế hoạch và báo cáo công tác tổng kết năm, nhiệm kỳ                                                                                                 |
| 392. | Hồ sơ tổ chức thực hiện các cuộc vận động lớn, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và các cấp ủy Đảng                                                              |
| 393. | Tài liệu về công tác tổ chức và nhân sự của Đảng bộ cơ quan UBND và các tổ chức, cơ sở Đảng trực thuộc                                                            |
| 394. | Hồ sơ về thành lập, sáp nhập, công nhận tổ chức Đảng                                                                                                              |
| 395. | Sổ ghi biên bản các cuộc họp thường kỳ và đột xuất của Đảng bộ cơ quan thuộc UBND huyện, thành phố và các tổ chức trực thuộc                                      |
|      | <b>2. Tài liệu của Công đoàn</b>                                                                                                                                  |
| 396. | Văn bản chỉ đạo trực tiếp của Công đoàn cấp trên                                                                                                                  |
| 397. | Hồ sơ đại hội Công đoàn                                                                                                                                           |
| 398. | Chương trình, kế hoạch công tác của Công đoàn UBND hằng năm                                                                                                       |
| 399. | Báo cáo tổng kết công tác triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết, các cuộc vận động lớn nhân các dịp kỷ niệm trọng đại của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam |
| 400. | Sổ ghi biên bản các cuộc họp thường kỳ và đột xuất của Công đoàn UBND và các Công đoàn cơ sở                                                                      |

|      |                                                                                                                                     |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      | <b>3. Tài liệu của Đoàn Thanh niên</b>                                                                                              |
| 401. | Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên về công tác Đoàn Thanh niên                                                                 |
| 402. | Chương trình, kế hoạch công tác của Đoàn Thanh niên hàng năm                                                                        |
| 403. | Báo cáo triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết và các cuộc vận động lớn nhân dịp kỷ niệm trọng đại do Đoàn Thanh niên tổ chức |
| 404. | Hồ sơ Đại hội Đoàn Thanh niên                                                                                                       |
| 405. | Sổ ghi biên bản các cuộc họp thường kỳ và đột xuất của Đoàn Thanh niên                                                              |